

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: **30/9/2019**.

"V/v Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tiến** và bà **Vũ Thị Khuôn**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Phương** -

Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 320/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXX ngày 29/8/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐXX ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Th**, sinh năm 1982.

Đăng ký hộ khẩu: Khu 7, phường Tân B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Cư trú: Số 324 Nguyễn L, phường Thanh B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Bá T**, sinh năm 1984

Đăng ký hộ khẩu và cư trú tại: Khu Đô thị An P, Tây Nam C, khu 7, phường Tân B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Bà Th có mặt tại phiên tòa; ông T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà **Trần Thị Th** trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà và ông T có được tự do tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/3/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không có công việc làm ổn định nhưng lại không chịu khó làm ăn, ham mê chơi bời, dẫn đến nợ nần chồng chất khiến cho bà phải bán hết nhà cửa và tài sản chung của vợ chồng để trả nợ riêng cho ông T. Kể từ khi bán hết nhà cửa để trả nợ cho đến nay thì vợ chồng không có chỗ ở, một mình bà làm kinh tế nuôi dạy các con ăn học, bên cạnh đó bà còn phải tiếp tục vay tiền của bố mẹ đẻ bà để trả nợ thay cho ông T. Bà đã cố gắng tạo cơ hội cho ông T nhìn lại hành động của mình để chịu khó làm ăn để cùng nhau nuôi dạy các con lên người. Nhưng không những ông T không cải sửa sai lầm mà ngày càng lún sâu vào con đường chơi bời nhiều hơn, hàng ngày chỉ ăn vói nằm dài ở nhà, không chăm sóc gì đến cuộc sống hàng ngày cho các con, tình cảm vợ chồng thì lạnh nhạt, không có trách nhiệm gì tới gia đình. Do không thể chịu đựng được nên bà quyết định sống ly thân nhau từ khoảng giữa năm 2018 và gửi đến đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì ông T tha thiết xin hứa sửa chữa khuyết điểm và xin được đoàn tụ vợ chồng với bà. Vì các con nên bà đã rút đơn để tạo cơ hội cho ông T, nhưng ngay sau khi rút đơn ly hôn thì chứng nào tật ấy, ông T giữ nguyên bản chất con người, không thay đổi gì được nên vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân cho đến nay, thời gian ly thân tính đến nay đã hơn 01 năm. Trong suốt thời gian này bà không quan tâm, hỏi hăn gì đến ông T và cũng không trả nợ thay cho ông T thêm nữa. Do vậy, đã có nhiều chủ nợ đã thuê xã hội đen đến đòi nợ, đe dọa mẹ con bà, đồ chất bẩn như thuốc sâu, dầu nhớt vào nhà trọ của mẹ con bà thuê ở. Ngoài ra họ còn không chể, đe dọa không cho mẹ con bà đi lại tự do và làm ăn yên ổn trên địa bàn thành phố Hải Dương. Vì những lý do trên bà không thể chịu đựng thêm được nữa, bà khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với ông T, cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T để mẹ con bà sớm được ổn định về tinh thần, cho các con bà an tâm học tập.

2. Về con chung: Bà Th xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 20/8/2004 và Nguyễn Bá Vũ H, sinh ngày 09/3/2008. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cùng bà.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Bà Th khẳng định tại thời điểm này vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản tiền bà vay riêng của bố mẹ đẻ của bà để trả nợ thay cho ông T, bà sẽ có trách nhiệm trả nợ bố mẹ bà riêng vì đó là nợ riêng của bà.

4. Về án phí: Bà Th đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ

án, triệu tập và các văn bản tố tụng trực tiếp cho bị đơn là ông Nguyễn Bá T, nhiều lần thông qua người thân cùng chung sống với ông T. Đồng thời niêm yết theo qui định của pháp luật nhưng ông T vẫn không đến Trụ sở Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Do ông T không chấp hành pháp luật nên Bà Th có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại khu dân cư nơi vợ chồng bà sinh sống để có căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ thì, thông qua lời khai của ông Nguyễn Bá T1 là bố đẻ của ông T, xác định: “Chị Th anh T là vợ chồng lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2004 tại UBND phường Thanh B, thành phố Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh T, con trai của ông làm ăn kinh tế thua lỗ hàng tỷ đồng, vợ chồng phải bán hết nhà đất do vợ chồng ông bà cho để trả nợ cho anh T. Từ đó vợ chồng anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, Chị Th không chia sẻ, thông cảm cho anh T mà Chị Th đưa 2 con đi thuê nhà ở và bán hàng thuốc, còn anh T cư trú và sinh sống cùng vợ chồng ông bà từ đầu năm 2018 cho đến nay. Trong suốt thời gian vợ chồng Th-T sống ly thân nhau, ông bà đã nhiều lần hòa giải mong muốn các con được đoàn tụ vợ chồng nhưng không có kết quả. Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông đã nhận thay anh T một số văn bản tố tụng, ông có giao lại cho anh T nhận; đồng thời động viên anh T đến Tòa án giải quyết vụ án theo qui định pháp luật nhưng anh T nói với ông, anh sẽ không đến Tòa án theo giấy triệu tập đương sự. Nay Chị Th có đơn cương quyết xin ly hôn anh T, phận làm cha mẹ ông bà không muốn nhưng nếu anh chị không còn tình cảm vợ chồng, không ăn ở được với nhau thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật”.

Tại biên bản lấy lời khai các con chung của Bà Th, ông T đều xác định trong cuộc sống hàng ngày Bà Th và ông T thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là ông T nợ nần nên nhiều chủ nợ đến đòi và đe dọa mẹ con Bà Th. Do không còn khả năng trả nợ nữa nên Bà Th và ông T đã phải sống mỗi người một nơi, không quan tâm hay trách nhiệm gì đến nhau. Nếu Bà Th quyết định và đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn ông T thì các con Bà Th tha thiết được tiếp tục ở với Bà Th.

Tại biên bản xác minh tại khu dân cư khu 7 phường Tân B, thành phố Hải Dương được trưởng khu, đại diện phụ nữ khu dân cư đều xác định Bà Th và ông T là vợ chồng hợp pháp lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh B. Vợ chồng Bà Th ông Thuận chung sống hạnh phúc tại khu dân cư vào những năm trước, mấy năm gần đây thì vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do ông T nợ nần nên vợ chồng phải bán hết nhà đất là tài sản chung của vợ chồng đi để trả nợ, sau đó 3

mẹ con Bà Th đi thuê nhà ở, ông T thì chung sống cùng bố mẹ đẻ của ông T tại khu dân cư. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, Bà Th gửi đơn xin ly hôn ông T lần này là lần thứ 2. Đề nghị Tòa án xem xét căn cứ các qui định của pháp luật giải quyết vụ án, bảo vệ quyền, lợi ích cho người phụ nữ và giữ ổn định về tinh thần cho các con chung là trẻ đang ở độ phát triển, tránh làm tổn thương và mất ổn định về tinh thần đối với các cháu.

Tại phiên toà hôm nay, Bà Th giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án xử cho bà ly hôn với ông T; bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bà. Ngoài ra bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Hải Dương tham gia phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 BLTTDS; Thư ký thực hiện đúng theo Điều 51 của BLTTDS và các quy định khác của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của BLTTDS; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Th, cho bà Trần Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Bá T. Giao cho Bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con; kể từ tháng 9/2019 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của Bà Th không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng bà; Về án phí: Bà Th phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T nhận trực tiếp; thông qua những người thân (bố mẹ ông T) cùng cư trú với địa chỉ của ông T nhận thay và đã giao cho ông T nhận đầy đủ. Nhưng ông T vẫn không có mặt tại Trụ sở Tòa án án theo giấy triệu tập của Tòa án. Do ông T

và những người thân từ chối nhận các văn bản của Tòa án nên Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nói trên tại gia đình ông T; niêm yết tại UBND phường Tân B và niêm yết tại Trụ sở Tòa án theo qui định của pháp luật. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng, đã tiến hành giải quyết vụ án đảm bảo tính hợp lệ việc tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với nguyên, bị đơn nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cũng như tạo điều kiện để bị đơn là ông Nguyễn Bá T thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Do vậy tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn*: Bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Bá T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh B, thành phố Hải Dương vào ngày 24/3/2004. Đây là hôn nhân hợp pháp; sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chính là ông T làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần, vợ chồng đã phải bán nhà đất là tài sản chung đi để trả nợ riêng cho ông T. Sau đó, từ việc kiếm tiền chi tiêu mọi sinh hoạt trong gia đình, chăm sóc nuôi dưỡng 02 con đều do một mình Bà Th phải bươn chải, lo toan, gánh vác. Mặc dù vậy nhưng ông T cũng không chia sẻ và tu chí làm ăn để khắc phục sửa sai cùng chăm lo cuộc sống vợ chồng với Bà Th. Từ đó, dẫn đến việc Bà Th mệt mỏi, chán nản, tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt rồi sống ly thân nhau. Bà Th đã đưa các con đi thuê nhà ở riêng, ông T về chung sống với bố mẹ đẻ của ông T, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân Bà Th và ông T không liên lạc hay có trách nhiệm gì với nhau. Bà Th xin ly hôn ông T lần này là lần thứ 2, mặc dù ông T không thể hiện ý kiến hay quan điểm gì, có mặt tại địa phương nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án; đồng thời cũng không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy, có thể nói ông T không thiện trí hàn gắn tình cảm và đoàn tụ vợ chồng với Bà Th. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, Bà Th và ông T không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho Bà Th được ly hôn ông T chung là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung*: Bà Th xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 20/8/2004 và Nguyễn Bá Vũ H, sinh ngày

09/3/2008; các con đã và đang do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, Bà Th có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế. Mặt khác, tại lời khai của cháu Trang và Hoàng đều thể hiện có nguyện vọng được ở với Bà Th. Do hiện nay ông T không có quan điểm đề nghị được nuôi con, các đương sự không tự thỏa thuận được người trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn nên HĐXX sẽ xem xét giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con và theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, để tránh việc các cháu bị ảnh hưởng về tâm lý. Mặt khác, Bà Th cung cấp các tài liệu chứng minh mức thu nhập khá, đủ khả năng nuôi dưỡng các con, bà đang kinh doanh bán thuốc tây tại địa chỉ số 324 Nguyễn L, phường Thanh B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, có mức thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*). Ngoài ra, bà có nhiều thời gian đưa đón các con đi học, các con ở với Bà Th từ nhỏ, sức khỏe và sự phát triển về trí tuệ của các con hoàn toàn tốt như những đứa trẻ khác. Nên, xét việc giao cả 02 con cho Bà Th nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật và đảm bảo cuộc sống cho các con. iệc Bà Th tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi các con chung. HĐXX thấy, hiện nay Bà Th đang kinh doanh cửa hàng thuốc tây, có mức thu nhập khá và ổn định, có khả năng đảm bảo cuộc sống cho các con, sự tự nguyện của Bà Th phù hợp pháp luật nên cần được chấp nhận. Nếu sau này ông T có nguyện vọng nuôi con và có điều kiện về mọi mặt để đảm bảo cuộc sống cho con, ông có thể khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết điều chỉnh việc nuôi cho ông theo qui định của pháp luật ở một vụ án khác.

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Bà Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

[5] *Những vấn đề khác:* Về khoản tiền Bà Th khai đã vay riêng bố mẹ đẻ của bà để trả nợ thay cho ông T, nay bà tự nguyện sẽ có trách nhiệm trả nợ bố mẹ của bà, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí:* Bà Trần Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; *khoản 2* Điều 227; *khoản 4* Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 271; Điều 273 của bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số

97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho bà Trần Thị Th được ly hôn ông Nguyễn Bá T.

2. *Về con chung*: Xử giao con là Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 20/8/2004 và Nguyễn Bá Vũ H, sinh ngày 09/3/2008 cho bà Trần Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con; kể từ tháng 9/2019 đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của Bà Th không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

Ông Nguyễn Bá T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Bà Trần Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí Bà Th đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AB/2017/0006975 ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Bà Th đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Thanh B, TPHD;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Tố Uyên